

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 12 /2022/HNGĐ - ST
Ngày 29/9/2022
“V/v: Ly hôn, chia tài sản
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Minh Đường

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ưu - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân huyện Ba Bể mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2022 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Páo Văn P, sinh năm 19xx. Có mặt.

Địa chỉ: Tiểu Khu xx, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 19xx. Có mặt.

Địa chỉ: Tiểu Khu xx, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Páo Văn P và bị đơn bà Dương Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

* Nguyên đơn ông Páo Văn P trình bày: Ông và bà Dương Thị H kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng ngày

xx/xx/1992, khi đăng ký kết hôn ông tên là Páo Văn Pe, sinh ngày xx/xx/19xx, bà H lúc đó tên là Dương Thị Hô, sinh ngày xx/xx/19xx, sau khi kết hôn đến năm 1994 vợ chồng ông chuyển về huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn chung sống hạnh P và đã có 02 con chung hiện nay đã trưởng thành và lập gia đình hết, tuy nhiên đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau, từ năm 2018 đến nay vợ chồng ông đã sống ly thân, tự nấu, tự ăn, độc lập về mọi thứ, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông xác định cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà H không thể kéo dài thêm được nữa. Do vậy ông yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị H.

* Bị đơn bà Dương Thị H trình bày: Bà xác nhận được kết hôn với ông Páo Văn P năm 1992, và có đăng ký kết hôn tại UBND tại xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng ngày xx/xx/1992, lúc đăng ký kết hôn họ tên của bà là Dương Thị Hô, sinh ngày xx/xx/19xx, ông P tên là Páo Văn Pe, sinh ngày xx/xx/19xx. Bà xác nhận bà và ông P là người được ghi tên trong giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng cấp ngày xx/xx/1992. Sau khi kết hôn đến năm 1994 vợ chồng ông chuyển về huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn sinh sống. Thời gian đầu bà và ông P chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung hiện nay đã trưởng thành và lập gia đình hết, tuy nhiên đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau, từ năm 2018 đến nay vợ chồng bà đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không còn tình cảm với ông P nữa, bà xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông P không thể kéo dài thêm được nữa. Do vậy bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Páo Văn P.

2. Về con chung:

* Nguyên đơn ông Páo Văn P trình bày:

Ông và bà H có 02 con chung là Páo Thị N, sinh năm 19xx và Páo Quốc H, sinh năm 19xx. Hiện nay Páo Thị N làm dâu tại Tiểu Khu xx, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Con trai Páo Quốc H lấy vợ tháng 02/2022 hiện nay đang ở cùng với vợ chồng ông. Hai con của ông đã trưởng thành, phát triển bình thường do vậy ông không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

* Bị đơn bà Dương Thị H trình bày: Bà xác nhận nội dung trình bày về phần con chung của ông P là đúng, các con đã trưởng thành và lập gia đình nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết về phần con chung.

3. Về tài sản chung:

* Nguyên đơn ông Páo Văn P trình bày:

Ông và bà Dương Thị H có những tài sản chung gồm:

+ 01 nhà xây 2 tầng 1 tum xây dựng đầu năm 2016 bằng tiền bán đất, nhà được xây trên toàn bộ thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14 mà vợ chồng được Nhà nước tái định cư từ năm 2016, thửa đất này đã được UBND huyện Ba Bể, tỉnh

Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/4/2017. Nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính thị trấn C, diện tích 99,8m², loại đất ở đô thị. Theo kết quả định giá thì phần đất ở 99,8m² có giá 187.026.000đ; Nhà 02 tầng 01 tum trên đất có giá trị 694.023.770đ.

+ 02 thửa đất chuyên chồng lúa nước, cụ thể: Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 7 diện tích 524m² và thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 diện tích 444m², hai thửa đất này do vợ chồng mua năm 2012, đã được UBND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/7/2012. Hiện nay đã phá bờ để dồn thành một thửa là thửa số 74, tờ bản đồ số 13, diện tích 981,3m² (theo bản đồ địa chính thị trấn C đo đạc năm 2012) trên đất không có tài sản, cây cối, hoa màu. Theo kết quả định giá thì diện tích đất chuyên trồng lúa nước 981,3m² có giá trị 58.878.000đ.

Ông đề nghị giải quyết giao toàn bộ ngôi nhà hai tầng một tum và 99,8m² đất ở cùng 981,3m² đất chuyên trồng lúa nước, có tổng giá trị theo kết luận định giá tài sản là 939.927.770đ (Chín trăm ba mươi chín triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng) cho bà H sử dụng và bà H trả cho ông 1/2 giá trị với số tiền là 469.963.885đ (Bốn trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi năm đồng).

Đối với phần đất ngoài phạm vi thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14, nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 mà ông sử dụng để làm sân là đất hành lang giao thông nên ông P không yêu cầu giải quyết. Trên diện tích đất này có phần mái sân nhà xây dựng làm bằng tôn chống nóng, chống ồn diện tích 65m² có giá trị là 17.745.000đ (Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản) ông P xác định là tài sản riêng của bà H và không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Dương Thị H trình bày: Bà xác nhận những tài sản mà ông P nêu là đúng, nhưng bà đề nghị Toà án chia ngăn đôi ngôi nhà ra mỗi người một nửa và chia đôi thửa ruộng ra mỗi người một nửa bà và ông P không phải thanh toán tiền cho nhau.

Đối với phần đất ngoài phạm vi thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14, nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 mà gia đình sử dụng để làm sân là đất hành lang giao thông nên bà H không yêu cầu giải quyết. Trên diện tích đất này có phần mái sân nhà xây dựng làm bằng tôn chống nóng, chống ồn diện tích 65m² có giá trị 17.745.000đ (Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản) là tài sản riêng của bà H và không yêu cầu giải quyết.

4. Về vay nợ chung:

* Nguyên đơn ông Páo Văn P trình bày: Ông và bà H không vay nợ chung.

* Bị đơn bà Dương Thị H trình bày: Bà và ông P không vay nợ chung.

5. Về chi phí tố tụng và án phí:

* Nguyên đơn ông Páo Văn P trình bày: Ông đề nghị chia đôi tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tiền định giá tài sản và tiền án phí mỗi người một nửa.

* Bị đơn bà Dương Thị H trình bày: Bà không đồng ý chia đôi tiền án phí và tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông P tự làm đơn thì ông P tự chịu.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Páo Văn P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Dương Thị H và giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát từ ngày giao đến ngày xét xử không đảm bảo đủ thời hạn 15 ngày quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Ông Páo Văn P được ly hôn bà Dương Thị H.

Về tài sản chung: Chia cho bà Dương Thị H ngôi nhà hai tầng một tum và 99,8m² đất ở , bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông P một nửa giá trị là 440.524.885đ.

Chia cho bà Dương Thị H và ông Páo Văn P mỗi người có quyền sử dụng 490,65m² đất chuyên trồng lúa nước.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 9.200.000đ, ông Páo Văn P và bà Dương Thị H mỗi người phải chịu 4.600.000đ. Số tiền này ông Páo Văn P đã nộp trước do vậy bà Dương Thị H phải trả cho ông Páo Văn P số tiền 4.600.000đ.

Về án phí: Ông Páo Văn P và bà Dương Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ông Páo Văn P có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn bà Dương Thị H và giải quyết việc chia tài sản chung, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn và chia tài sản chung " thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn bà Dương Thị H có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu xx, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn do vậy việc Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Páo Văn P kết hôn với bà Dương Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/4/1992 tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng, như vậy việc kết hôn của ông P và bà H là hợp pháp được pháp luật công nhận. Năm 1994 ông P và bà H chuyển đến sinh sống tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cho đến nay, cuộc sống chung hạnh phúc, ông P và bà H đã có 02 người con chung, tuy nhiên đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau, từ năm 2018 đến nay ông P, bà H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ông P và bà H đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài thêm được nữa, cả ông P và bà H đều đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông P và bà H được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Páo Văn P và bà Dương Thị H đã tự nguyện ly hôn, do vậy cần cho ông P và bà H được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Ông Páo Văn P và bà Dương Thị H xác nhận có hai người con chung là Páo Thị N, sinh năm 19xx và Páo Quốc H, sinh năm 19xx. Hiện nay cả hai con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã lập gia đình nên không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung:

Ngày 31/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Ba Bể phối hợp với phòng ban chuyên môn huyện Ba Bể, Ủy ban nhân dân thị trấn C và Hội đồng định giá tài sản tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với khối tài sản chung của ông Páo Văn P và bà Dương Thị H, kết quả:

Đối với đất ở và nhà trên đất: Thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14, nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính thị trấn C, diện tích 99,8m², loại đất ở đô thị tại Tiểu Khu xx, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn được giới hạn bởi các mốc 1 - 2 - 3 - 4 - 1 (Theo mảnh trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn). Thửa đất có giá trị là 187.026.000đ (Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản). Trên thửa đất này có một ngôi nhà xây hai tầng một tum được xây dựng bằng khung chịu lực, kết hợp tường xây gạch chỉ dày 220mm, mái lợp tôn chống nóng diện tích 10,5m x 9,5m = 99,8m² có giá trị là 694.023.770đ (Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản).

Đối với đất chuyên trồng lúa nước: Thửa số 74, tờ bản đồ số 13, diện tích 981,3m² (theo bản đồ địa chính thị trấn C đo đạc năm 2012) tại tiểu khu 5 thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn được giới hạn bởi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-1 (Theo mảnh trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn). Thửa đất có giá trị là 58.878.000đ (Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản).

Đối với phần đất mà ông P bà H sử dụng ngoài phạm vi thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14, nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 có diện tích 64,4m² được giới hạn bởi các mốc 3-5-6-7-4-3 là đất hành lang giao thông (Theo mảnh trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn). Trên phần đất này có phần mái sân nhà xây dựng làm bằng tôn chống nóng, chống ồn diện tích 65m² có giá trị là 17.745.000đ. (Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản).

Tại phiên tòa ông Páo Văn P và bà Dương Thị H xác định có các tài sản chung gồm:

+ 01 nhà xây 2 tầng 1 tum xây dựng đầu năm 2016 bằng tiền bán đất, nhà được xây trên toàn bộ thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14 mà vợ chồng được Nhà nước tái định cư từ năm 2016, thửa đất này đã được UBND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 374986 ngày 12/4/2017. Nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính thị trấn C, diện tích 99,8m², loại đất ở đô thị. Theo kết quả định giá thì phần đất ở 99,8m² có giá trị 187.026.000đ; Nhà 02 tầng 01 tum trên đất có giá trị 694.023.770đ.

+ 02 thửa đất chuyên trồng lúa nước, cụ thể: Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 7 diện tích 524m² và thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 diện tích 444m², hai thửa đất này do vợ chồng mua năm 2012, đã được UBND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 589967 ngày 09/7/2012. Hiện nay đã phá bờ để dồn thành một thửa là thửa số 74, tờ bản đồ số 13, diện tích 981,3m² (theo bản đồ địa chính thị trấn C đo đạc năm 2012). Theo kết quả định giá thì diện tích đất chuyên trồng lúa nước 981,3m² có giá trị 58.878.000đ.

Tổng giá trị của khối tài sản chung theo kết luận định giá là 939.927.770đ (Chín trăm ba mươi chín triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Páo Văn P đề nghị giao toàn bộ khối tài sản chung trị giá 939.927.770đ cho bà Dương Thị H sử dụng và bà Dương Thị H trả cho ông Páo Văn P ½ giá trị tài sản bằng tiền là 469.963.885đ. Bà Dương Thị H đề nghị Hội đồng xét xử chia ngăn đôi ngôi nhà ra mỗi người một nửa và chia đôi thửa ruộng ra mỗi người một nửa và bà với ông P không phải thanh toán tiền cho nhau.

Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu chia khối tài sản chung của ông Páo Văn P và bà Dương Thị H thấy rằng.

Ông Páo Văn P và bà Dương Thị H có 01 ngôi nhà 02 tầng 01 tum được xây dựng trên thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14 diện tích đất 99,8m² đã được UBND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/4/2017 cho ông Páo Văn P và bà Dương Thị H, nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính thị trấn C, diện tích 99,8m², loại đất ở đô thị tại tiểu khu 2 thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn và 02 thửa đất chuyên trồng lúa nước, cụ thể: Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 7 diện tích 524m² và thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 diện tích 444m² đã được UBND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất ngày 09/7/2012 cho ông Páo Văn P và bà Dương Thị H, hiện nay hai thửa đất này đã được phá bờ để dồn thành một thửa là thửa số 74, tờ bản đồ số 13, diện tích 981,3m² (theo bản đồ địa chính thị trấn C đo đạc năm 2012). Hội đồng xét xử nhận định khối tài sản trên là tài sản chung của ông Páo Văn P và bà Dương Thị H. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và tại phiên tòa ông P và bà H đều khẳng định ngôi nhà được xây dựng bằng khung chịu lực, kết hợp tường xây gạch chỉ dày 220mm, mái lợp tôn chống nóng diện tích 10,5m x 9,5m = 99,8m². Như vậy ngôi nhà đã được xây dựng trên toàn bộ diện tích đất 99,8m² và ngôi nhà được xây dựng kiên cố không thể chia tách, và thửa đất chuyên trồng lúa nước số 74, tờ bản đồ số 13, diện tích 981,3m² là một thửa liền bờ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy phải giao ngôi nhà và diện tích đất ở cùng diện tích đất chuyên trồng lúa nước cho bà Dương Thị H sử dụng và bà Dương Thị H trả cho ông Páo Văn P ½ giá trị tài sản bằng tiền theo kết luận định giá là phù hợp.

Đối với phần đất 64,6m² ngoài phạm vi thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14, nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 là đất hành lang giao thông nên ông P và bà H không yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Trên diện tích đất này có phần mái sân nhà xây dựng làm bằng tôn chống nóng, chống ồn diện tích 65m² có giá trị là 17.745.000đ. (Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản) ông P và bà H đều xác định là tài sản riêng của bà H và không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 9.200.000đ, ông Páo Văn P và bà Dương Thị H mỗi người phải chịu 4.600.000đ. Số tiền này ông Páo Văn P đã nộp trước do vậy bà Dương Thị H phải trả cho ông Páo Văn P số tiền 4.600.000đ.

Đánh giá quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Về hôn nhân: Ông Páo Văn P được ly hôn bà Dương Thị H.

Về tài sản chung: Chia cho bà Dương Thị H ngôi nhà hai tầng một tum và 99,8m² đất ở, bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông P một nửa giá trị là 440.524.885đ.

Chia cho bà Dương Thị H và ông Páo Văn P mỗi người có quyền sử dụng 490,65m² đất chuyên trồng lúa nước.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 9.200.000đ, ông Páo Văn P và bà Dương Thị H mỗi người phải chịu 4.600.000đ. Số tiền này ông Páo Văn P đã nộp trước do vậy bà Dương Thị H phải trả cho ông Páo Văn P số tiền 4.600.000đ.

Về án phí: Ông Páo Văn P và bà Dương Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện viện kiểm sát về việc ông P được ly hôn với bà H và chia đôi khối tài sản chung, xử lý tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và án phí là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên đối với đề nghị chia cho bà Dương Thị H và ông Páo Văn P mỗi người có quyền sử dụng 490,65m² đất chuyên trồng lúa nước là chưa đảm bảo về nhu cầu sử dụng đất của các bên bởi lẽ: Tại phiên tòa bà H xác nhận bà và con trai không có việc làm ổn định nên bà có nhu cầu được sử dụng một nửa thửa đất chuyên trồng lúa nước để canh tác, còn ông P không có nhu cầu sử dụng thửa đất này, hơn nữa thửa đất chuyên trồng lúa nước số 74, tờ bản đồ số 13 là một thửa liền bờ thống nhất, chưa có số đo các cạnh để phân chia thành ½ thửa sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án. Do vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về chia đôi thửa đất chuyên trồng lúa nước bằng hiện vật không được chấp nhận.

Về án phí: Ông Páo Văn P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng. Ông Páo Văn P và bà Dương Thị H mỗi người được chia giá trị tài sản là 469.963.885đ nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.798.555đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 51, 56, 57, 59 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 28, 35, 39 khoản 4 điều 147, 157, 165, 235, 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Páo Văn P được ly hôn với bà Dương Thị H.
2. Về tài sản chung:

Giao cho bà Dương Thị H quyền sử dụng thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14, diện tích 99,8m² đã được UBND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 374986 ngày 12/4/2017 cho ông Páo Văn P và bà Dương Thị H. Nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính thị trấn C, diện tích 99,8m² (bản đồ địa chính thị trấn C), loại đất ở đô thị có địa chỉ tại tiểu khu 2 thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn được giới hạn bởi các mốc 1 - 2 - 3 - 4 - 1 (Theo mảnh trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn) trị giá 187.026.000đ

Giao cho bà Dương Thị H quyền sử hữu một ngôi nhà hai tầng một tum gắn liền với thửa đất số 315, tờ bản đồ số 14, nay là thửa số 570 tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính thị trấn C, diện tích 99,8m² (bản đồ địa chính thị trấn C) trị giá 694.023.770đ (Sáu trăm chín mươi tư triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

Giao cho bà Dương Thị H quyền sử dụng thửa đất chuyên trồng lúa nước số 179, tờ bản đồ số 7 diện tích 524m² và thửa đất số 180, tờ bản đồ số 7 diện tích 444m² đã được UBND huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 589967 ngày 09/7/2012 cho ông Páo Văn P và bà Dương Thị H. Nay là thửa số 74, tờ bản đồ số 13, diện tích 981,3m² (Bản đồ địa chính thị trấn C đo đạc năm 2012) tại tiểu khu 5 thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn được giới hạn bởi các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-1 (Theo mảnh trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn) trị giá 58.878.000đ (Năm mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Tổng giá trị của khối tài sản bà Dương Thị H được được quyền sử hữu, sử dụng là 939.927.770đ (Chín trăm ba mươi chín triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng).

Buộc bà Dương Thị H phải thanh toán 469.963.885đ (Bốn trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng) tiền chênh lệch chia tài sản cho ông Páo Văn P.

3. Về chi phí tố tụng.

Buộc bà Dương Thị H phải trả lại cho ông Páo Văn P 4.600.000đ (Bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

4. Về án phí.

Buộc ông Páo Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Buộc ông Páo Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.798.555đ. Tổng số tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Páo Văn P phải chịu là: 23.098.555đ (Hai mươi ba triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng). được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Páo Văn P đã nộp 31.800.000đ (Ba mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001052 ngày 14/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Ông Páo Văn P được trả lại 8.701.445đ (Tám triệu bảy trăm linh một nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.798.555đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng).

Việc thi hành án dân sự số tiền chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ba Bể. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể. (01b)
- UBND xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. (01b)
- UBND thị trấn C, huyện Ba Bể (01b)
- Các đương sự. (02b)
- Lưu hs; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
\
(Đã ký)**

Hà Thanh Tuấn